

Bản án số: 06/2025/HNGĐ - ST
Ngày 26 tháng 01 năm 2026
V/v Tranh chấp Hôn nhân
và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Triễn

Ông Phùng Văn Thông

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân
Khu vực 10 - Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ tham gia phiên
toà:** Ông Nguyễn Văn Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 - Phú
Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 217/2025/TLST- HNGĐ ngày 06
tháng 11 năm 2025 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử số: 171/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025 giữa các
đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị C, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Phú
Thọ (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh
Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 31/10/2025 và các lời khai tiếp theo nguyên
đơn bà Lê Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà kết hôn cùng ông Nguyễn Văn T ngày 15/02/2000,
trước khi cưới có được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND Đ, huyện V, tỉnh
Vĩnh Phúc (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn bà về làm dâu ở chung
cùng gia đình ông T được khoảng 01 năm thì vợ chồng ra ở riêng. Tình cảm vợ
chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình chung sống đến khoảng tháng 3
năm 2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T ham

chơi bởi không tu trí làm ăn, ông T thường xuyên vắng nhà có khi 01 tháng về, có khi 3 - 4 tháng ông T mới về nên từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt vợ, thường xuyên cãi chửi nhau, trong lúc nóng giận ông T còn đánh bà, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng từ khoảng tháng 3/2019, đến tháng 5/2025 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được bà xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà T và ông C có hai con chung là Nguyễn Văn T1 sinh ngày 27/12/2000 và Nguyễn Đức T2 sinh ngày 18/10/2004, hiện nay cháu T1 đã có gia đình riêng, cháu T2 đã trưởng thành trên 18 tuổi. Ly hôn bà T không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản có cho vay và khoản vay, đất canh tác, công sức: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên toà nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 20/11/2025 bà Nguyễn Thị K là mẹ của ông T trình bày: Về quá trình kết hôn, chung sống của vợ chồng như bà C đã trình bày là đúng về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bà C tính tình ngang ngược nóng nảy nên vợ chồng hay cãi chửi nhau. Khoảng tháng 5/2025 (âm lịch) bà C đã dọn nhà ra ở riêng, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Bản thân ông T đang làm ở K, thành phố V, thi thoảng một vài hôm mới về nhà, mỗi khi về nhà thì ông T ở với bà K tại thôn H, xã T, tỉnh Phú Thọ, ông Thu nhận được thông báo của Toà án nhưng ông T nói là bận đi làm nên không đến Toà án làm việc được, bà C muốn ly hôn thì tùy bà T. Xác minh tại UBND xã T cho biết: Bà Lê Thị C kết hôn cùng ông Nguyễn Văn T ngày 15/02/2000, có đăng ký kết hôn tại UBND Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ). Về nguyên nhân mâu thuẫn của ông bà như thế nào thì địa phương không rõ. Nay bà C có đơn xin ly hôn ông T quan điểm địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật; về con chung: Vợ chồng ông bà có hai con chung Nguyễn Văn T1 sinh ngày 27/12/2000 và Nguyễn Đức T2 sinh ngày 18/10/2004. Ly hôn bà C không yêu cầu giải quyết về con chung là phù hợp; Về hộ khẩu thường trú của ông Nguyễn Văn T hiện nay có HKTT tại: Thôn H, xã T, tỉnh Phú Thọ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ trình bày quan điểm.

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm nhận đơn khởi kiện cho đến khi xét xử thẩm phán giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, quá

trình thu thập chứng cứ tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành thời hạn xét xử đúng quy định. Tại phiên tòa, việc khai mạc phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, thủ tục tranh tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình,

X: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị C, cho bà Lê Thị C được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà C, ông T có hai con chung là Nguyễn Văn T1, sinh ngày 27/12/2000 và Nguyễn Đức T2 sinh ngày 18/10/2004, hiện nay cháu T1 đã có gia đình riêng, cháu T2 đã trưởng thành trên 18 tuổi. Ly hôn bà C không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác và công sức: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà C là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị C khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T, ông T có hộ khẩu thường trú tại xã T, tỉnh Phú Thọ. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn là ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Bà Lê Thị C kết hôn cùng ông Nguyễn Văn T ngày 15/02/2000, có đăng ký kết hôn tại UBND Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới có được tìm hiểu là cuộc hôn nhân hợp pháp, phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung

sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T thường xuyên đi làm ăn xa thi thoảng mới về, bản thân bà C là người nóng tính nên vợ chồng thường hay xảy ra bất đồng quan điểm, từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt với nhau, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 3/2019 và sống ly thân từ khoảng tháng 5 năm 2025 cho đến nay. Tòa án không lấy được lời khai của ông T, tuy nhiên bà Nguyễn Thị K là mẹ ông T cho biết về thời gian kết hôn và chung sống như bà C đã trình bày, bản thân ông T đang làm ở K, thành phố V, thi thoảng mới về nhà, mỗi khi về nhà thì ông T ở với bà K tại Thôn H, xã T, tỉnh Phú Thọ, ông Thu nhận được thông báo của Tòa án nhưng ông T nói là bận đi làm nên không đến Tòa án làm việc được, bà C muốn ly hôn thì tùy bà T. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà C và ông T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho bà C được ly hôn với ông T là phù hợp.

[4]. Về con chung: Bà C, ông T có hai con chung Nguyễn Văn T1 sinh ngày 27/12/2000 và Nguyễn Đức T2 sinh ngày 18/10/2004, hiện nay cháu T1 đã có gia đình riêng, cháu T2 đã trưởng thành trên 18 tuổi. Ly hôn bà C không yêu cầu giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Bà Lê Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Bà Lê Thị C là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án như đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Phú Thọ đã đề nghị là phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về điều luật áp dụng: Căn cứ các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho bà Lê Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Văn T;

Về con chung: Bà C, ông T có hai con chung Nguyễn Văn T1 sinh ngày 27/12/2000 và Nguyễn Đức T2 sinh ngày 18/10/2004, hiện nay các con đã trưởng thành trên 18 tuổi nên bà C không yêu cầu giải quyết;

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Bà Lê Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004632 ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Bà C đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị C có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 10 - Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải